

**THỰC TRẠNG SỨC KHỎE TÂM THẦN
CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG LÊ LỢI
TẠI HUYỆN BẮC TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2023**

**Nguyễn Minh Vũ¹, Đới Thị Huyền Trang¹,
Nguyễn Thị Diễm Hằng¹, Nguyễn Bình Phương^{2*}**

1. Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

2. Trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

*Email: phuongnb@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 09/7/2024

Ngày phản biện: 21/01/2025

Ngày duyệt đăng: 25/01/2025

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Sức khỏe tâm thần hiện nay đang là vấn đề cần quan tâm ở lứa tuổi học sinh. Nghiên cứu này cung cấp dữ liệu thực tế về vấn đề sức khỏe tâm thần học sinh và các yếu tố liên quan tại huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ có vấn đề sức khỏe tâm thần và các yếu tố liên quan ở học sinh trường trung học phổ thông. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 329 học sinh trung học phổ thông Lê Lợi từ tháng 05/2023 đến tháng 11/2023, sử dụng thang đo SDQ25. **Kết quả:** Có 21,9% học sinh có vấn đề sức khỏe tâm thần, 17,9% học sinh trong tình trạng nghi ngờ mắc, tỷ lệ nữ cao hơn (26% so với 16,9%), người mắc bệnh tật sẽ cao hơn (30,9% so với 19,5%), nhóm có người chia sẻ ít mắc hơn (17,8% so với 28,3%), nhóm có người trong gia đình say xỉn sẽ cao hơn (36,1% so với 20,1%), nhóm thích đi học sẽ thấp hơn (19,2% so với 32,4%), học sinh có đi học thêm cao hơn (24,7% so với 13,8%), bị áp lực trong học tập từ gia đình cao hơn (25,3% so với 13%), bị bạn bè bắt nạt sẽ cao hơn nhóm không bị (35,3% so với 20,3%), nhóm thường xuyên bị bố mẹ phạt vì điểm kém sẽ dễ mắc hơn (29,5% so với 19,1%), người có tần suất trên 3 lần/ngày và thời gian dùng mạng xã hội trên 3 giờ/ngày đều dễ mắc hơn nhóm còn lại ($p < 0,05$). **Kết luận:** Học sinh trường Lê Lợi có vấn đề sức khỏe tâm thần là cao hơn so với tỷ lệ chung của toàn quốc.

Từ khóa: SDQ25, sức khỏe tâm thần, trung học phổ thông.

ABSTRACT

**MENTAL HEALTH OF STUDENTS IN LE LOI HIGH SCHOOL,
BAC TAN UYEN DISTRICT, BINH DUONG PROVINCE IN 2023**

**Nguyen Minh Vu¹, Doi Thi Huyen Trang¹,
Nguyen Thi Diem Hang¹, Nguyen Binh Phuong³**

1. Bac Tan Uyen Medical Center, Binh Duong Province

2. Thu Dau Mot University, Binh Duong Province

Background: Mental health is currently a matter of concern among students. This study provided research data on students' mental health issues and related factors in Bac Tan Uyen district, Binh Duong province. **Objectives:** To determine the proportion of mental health problems and related factors in high school students. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 329 Le Loi high school students from May 2023 to November 2023, using the SDQ25 scale. **Results:** 21.9% of students had mental health problems, 17.9% of students were suspected of having mental health problems, the proportion of women is higher (26% compared to 16.9%), students with the disease disability will have a higher rate (30.9% compared to 19.5%), the group of students who having someone to share with will be less likely

of having mental health issues (17.8% compared to 28.3%), the group of students living in the families that have drunk-members, will be more likely of having mental health problems (36,1% compared to 20.1%), the group of students who likes to go to school will own a lower rate of mental health issues (19.2% compared to 32.4%), the students who go to private tutoring will experience a higher number of mental health problems (24.7% compared to 13.8) %), and also having a higher pressure of studying from their family (25.3% compared to 13%), those students who are being forced to be quiet by friends owned a higher rate of mental health issues than the remaining group (35.3% compared to 20.3%), the group of students that frequently being punished by parents will be more susceptible at 29.5% compared to 19.1%, and the students using social networks more than 3 times per day with total hours more than 3 hours per day, easier to be caught with mental health issues ($p < 0.05$). **Conclusions:** Le Loi school students have mental health problems at a higher rate than the national average.

Keywords: High school, mental health, SDQ25.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sức khỏe tâm thần (SKTT) là trạng thái khỏe mạnh của mỗi cá nhân để họ nhận biết được các khả năng của bản thân, có thể đương đầu với những căng thẳng thông thường trong cuộc sống, có thể học tập và làm việc một cách hiệu quả và có thể tham gia, góp phần vào các hoạt động của cộng đồng [1],[2],[3]. Trên thế giới có khoảng 10% trẻ em và thanh thiếu niên mắc rối loạn tâm thần, nữ có SKTT kém hơn nam giới [4]. Năm 2022, một nghiên cứu tương tự chỉ thực hiện ở thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 31,6% học sinh ở mức ranh giới và 26,6% học sinh có rối loạn tâm thần, học sinh nữ có vấn đề cảm xúc cao hơn [5]. Thực trạng trên là những báo động cần thiết về thực trạng sức khỏe tâm thần của học sinh Việt Nam trong một số năm gần đây [6].

Huyện Bắc Tân Uyên là một huyện mới, đang phát triển của tỉnh Bình Dương có 03 trường THPT, trong đó Trường Lê Lợi là trường lớn nhất. Nghiên cứu: “Thực trạng SKTT của học sinh trường THPT Lê Lợi tại huyện Bắc Tân Uyên tỉnh Bình Dương năm 2023” được tiến hành nhằm có được dữ liệu tin cậy tham khảo cho việc triển khai các biện pháp can thiệp cho SKTT của học sinh THPT trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên.

Nghiên cứu được thực hiện với hai mục tiêu cụ thể: (1) Xác định tỷ lệ học sinh gặp vấn đề SKTT tại Trường THPT Lê Lợi năm 2023. (2) Xác định mối liên quan giữa vấn đề SKTT học sinh với một số yếu tố xã hội học.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh được lựa chọn ngẫu nhiên trên danh sách của Trường THPT Lê Lợi để thu thập dữ liệu từ tháng 05/2023 đến tháng 11/2023.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Học sinh không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang

- **Nội dung nghiên cứu:** Phát cho học sinh bộ câu hỏi tự điền dựa trên điểm mạnh và khó khăn (Strength and Difficulties Questionnaire 25, SDQ 25) do tác giả Robert Goodman thuộc Viện Tâm Thần London xây dựng. Các thông tin cần thu thập bao gồm thông tin liên quan đến vấn đề cảm xúc, hành vi, tăng động, bạn bè, xã hội tích cực.

- **Cỡ mẫu:** Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ. Trong đó: với độ tin cậy 95% thì $Z(1-\alpha/2) = 1,96$; $p = 0,26$ là tỷ lệ học sinh có vấn đề SKTT tham khảo của Tạ

Thị Thúy và cộng sự [5]; $\varepsilon = 0,05$ là sai số cho phép. Cỡ mẫu tối thiểu là 295, dự phòng ngo 10% mất mẫu, cỡ mẫu cần thu thập là 324. Tổng cộng có 329 học sinh tham gia.

- **Biến số nghiên cứu:** Biến số chính là tỷ lệ mắc SKTT; các biến số độc lập bao gồm nhóm đặc điểm cá nhân (nhóm lớp, giới tính, tình trạng sức khỏe bản thân, tập luyện thể dục thể thao, thường xuyên chia sẻ tâm sự), nhóm đặc điểm gia đình (tình trạng cư trú, hoàn cảnh gia đình và tình trạng người thân có hiện tượng say xỉn), nhóm biến số học tập (thích đi học, học thêm, áp lực học tập, bị bạn bè bắt nạt và bố mẹ xử phạt).

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Dùng phần mềm SPSS 20.0, sử dụng test thống kê Chi-Square (χ^2) để tìm mối liên quan với mức $\alpha = 0,05$ và chỉ số OR (khoảng tin cậy 95%) để xác định mức ý nghĩa khác biệt.

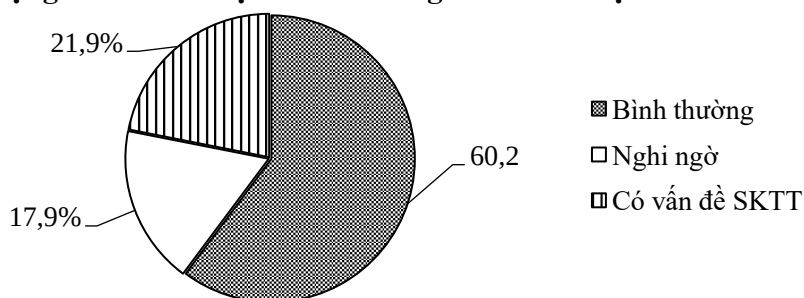
- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu được Trường cho triển khai bằng văn bản. Học sinh được giải thích rõ ràng mục đích, nội dung trước khi quyết định, thông tin cá nhân được giữ bí mật.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung

Nghiên cứu được thực hiện trên 329 học sinh của Trường THPT Lê Lợi, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tham gia nghiên cứu, có 148 học sinh nam chiếm 45%; Có 321 người Kinh tham gia (97,6%); Khối 10 tham gia 163 học sinh (49,5%), sau là khối 12 với 102 người (31%); Tỷ lệ học lực trung bình là 134 người (40,7%), khá là 121 người (36,8%), 73 người có học lực giỏi (22,2%); Hạnh kiểm tốt có 299 người (90,9%).

3.2. Tình trạng SKTT của học sinh Trường THPT Lê Lợi năm 2023



Biểu đồ 1. Tình trạng SKTT chung của học sinh

Nhận xét: Nghi ngờ mắc SKTT chiếm 17,9%, có vấn đề SKTT là 21,9%.

3.3. Mối liên quan giữa các yếu tố với tình trạng SKTT

Bảng 1. Mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân và tình trạng SKTT

Đặc điểm		Có vấn đề sức khỏe tâm thần		OR (KTC95%)	P value
		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)		
Nhóm lớp	10	34	20,9	1	
	11	13	20,3	1,03 (0,50-2,11)	0,93
	12	25	24,5	0,81 (0,45-1,46)	0,48
Giới tính	Nam	25	16,9	1	
	Nữ	47	26,0	0,58 (0,34-0,99)	0,048
Tình trạng sức khỏe bản thân	Không mắc bất kỳ bệnh lý nào	51	19,5	1	
	Có mắc bệnh	21	30,9	0,54 (0,30-0,99)	0,044

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 83/2025

Đặc điểm		Có vấn đề sức khỏe tâm thần		OR (KTC95%)	P value
		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)		
Tập luyện thể thao	Có	44	20,2	1	
	Không	28	25,2	0,75 (0,44-1,29)	0,296
Thường xuyên chia sẻ, tâm sự	Có	36	17,8	1	
	Không	36	28,3	0,55 (0,32-0,93)	0,025

Nhận xét: nam gặp vấn đề SKTT chỉ bằng 0,58 lần nhóm nữ; nhóm không có bệnh lý chỉ gặp vấn đề SKTT bằng 0,54 lần nhóm có bệnh; nhóm thường xuyên chia sẻ, tâm sự gặp vấn đề SKTT bằng 0,55 lần nhóm còn lại, có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 2. Mối liên quan giữa gia đình và tình trạng SKTT

Đặc điểm		Có vấn đề SKTT	OR (KTC95%)	P value
		n (%)		
Tình trạng cư trú	Ở cùng với bố và mẹ	60 (21,3)	1	
	Chỉ ở với bố hay mẹ	9 (25,0)	0,81 (0,36-1,81)	0,61
	Ở với ông/bà, họ hàng khác...	3 (27,3)	0,72 (0,18-2,80)	0,64
Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Khá giả	4 (12,1)	1	
	Trung bình, đủ sống	67 (23,0)	0,46 (0,16-1,36)	0,16
	Nghèo, cận nghèo	1 (20,0)	0,55 (0,05-6,25)	0,63
Gia đình có người say xỉn	Có	13 (36,1)	1	
	Không	59 (20,1)	2,24 (1,07-4,67)	0,029

Nhận xét: Nhóm học sinh trong gia đình có người say xỉn có tỷ lệ có vấn đề SKTT (36,1%) cao hơn nhóm còn lại 2,24 lần, khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 3. Mối liên quan giữa học tập và tình trạng SKTT

Đặc điểm		Có vấn đề SKTT	OR (KTC95%)	P value
		n (%)		
Tình trạng thích đi học	Có	50 (19,2)	1	
	Không	22 (32,4)	0,49 (0,27-0,89)	0,019
Đi học thêm	Có	60 (24,7)	1	
	Không	12 (13,8)	2,06 (1,05-4,04)	0,033
Áp lực trong học tập	Có	60 (25,3)	1	
	Không	12 (13,0)	2,26 (1,15-4,43)	0,016
Bạn bè bắt nạt	Có	12 (35,3)	1	
	Không	60 (20,3)	2,14 (1,00-4,56)	0,046
Thường xuyên bị bố mẹ phạt khi bị điểm kém	Có	26 (29,5)	1	
	Không	46 (19,1)	1,78 (1,01-3,11)	0,042

Nhận xét: Nhóm học sinh thích đi học gặp vấn đề SKTT chỉ bằng 0,49 lần nhóm không thích đi; nhóm có đi học thêm gặp vấn đề SKTT gấp 2,06 lần nhóm không đi học thêm và nhóm bị áp lực trong học tập có vấn đề SKTT cao hơn 2,26 lần nhóm còn lại; Nhóm học sinh bị bạn bè bắt nạt có tỷ lệ có vấn đề SKTT (35,3%) cao hơn nhóm không bị bạn bè

bất nạt; Nhóm học sinh thường xuyên bị bố mẹ phạt khi bị điểm kém có tỷ lệ có vấn đề SKTT (29,5%) cao hơn nhóm còn lại, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa yếu tố sử dụng mạng xã hội và tình trạng mắc vấn đề SKTT

Đặc điểm		Có vấn đề SKTT	OR (KTC95%)	P value
		n (%)		
Thường xuyên sử dụng điện thoại/máy tính	Có	66 (23,9)	1	
	Không	6 (11,3)	2,46 (1,01-6,02)	0,042
Tần suất sử dụng mạng xã hội	≤ 3 lần/ngày	18 (15,5)	1	
	> 3 lần/ngày	54 (25,4)	0,54 (0,30-0,97)	0,039
Thời gian sử dụng mạng xã hội mỗi ngày	≤ 3 giờ	22 (16,3)	1	
	> 3 giờ	50 (25,8)	0,56 (0,32-0,98)	0,041
Cảm giác khi rời xa mạng xã hội	Bình thường	47 (19,2)	1	
	Hơi bức rứt, khó chịu	25 (29,8)	0,56 (0,32-0,98)	0,043

Nhận xét: Thường xuyên sử dụng điện thoại/máy tính, tần suất sử dụng mạng xã hội > 3 lần/ngày và sử dụng mạng xã hội > 3 giờ mỗi ngày có vấn đề SKTT cao hơn; nhóm có cảm giác bình thường khi rời xa mạng xã hội gặp vấn đề SKTT thấp hơn với $p < 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Tình trạng SKTT của học sinh Trường THPT Lê Lợi năm 2023

Tỷ lệ học sinh có vấn đề về SKTT chiếm 21,9%, 17,9% thuộc diện nghi ngờ. Nghiên cứu tương tự của tác giả Đinh Thị Hồng Vân và cộng sự tại 03 địa phương là Hà Nội, Huế và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 15,1% là có vấn đề SKTT, 24,3% học sinh đang ở ranh giới [7]. Nghiên cứu của nhóm tác giả Nguyễn Thị Thùy Linh và cộng sự năm 2021 tại Hải Phòng cho thấy tỷ lệ trầm cảm ở mức 30%, vấn đề lo âu ở mức 56%, 42,3% có căng thẳng, tuy nhiên phần lớn là ở mức độ nhẹ và vừa [8]. Nghiên cứu khác tương tự ở Nghệ An của tác giả Lê Minh Hoàng và cộng sự có kết quả 38,1% có vấn đề SKTT chung [9]. Nghiên cứu của tác giả Doan Nguyen Ai Xuan và cộng sự cho thấy phân cấp 31,3% ở mức độ nặng, 63,6% ở mức độ trung bình [10].

4.2. Mối liên quan giữa các yếu tố với tình trạng SKTT

Nam có vấn đề SKTT (16,9%) chỉ bằng 0,58 (0,34-0,99) lần nữ (26%) có ý nghĩa ($p < 0,05$). Phù hợp với nghiên cứu của Lê Minh Hoàng với tỷ lệ nữ so với nam 2,43 lần [11]. Nghiên cứu Tạ Thị Thúy cũng cho thấy khác biệt có ý nghĩa về cảm xúc của nam và nữ ($p < 0,05$), các vấn đề hành vi, bạn bè và xã hội tích cực không có ý nghĩa ($p > 0,05$) [5]. UNICEF giải thích rằng thông tin trẻ em gái thường được xem là đối tượng nhạy cảm hơn với các vấn đề tâm lý, là vấn đề đáng lưu tâm khi độ tuổi này đang nảy sinh tình cảm, cảm xúc giới tính và lúng túng trong kỹ năng xử lý các quan hệ xã hội [1],[6].

Học sinh không mắc bất kỳ bệnh lý nào có vấn đề SKTT (19,5%) chỉ bằng 0,54 (0,30-0,99) so với người có bệnh tật (30,9%) với $p < 0,05$; Nhóm học sinh thường xuyên chia sẻ, tâm sự có vấn đề SKTT (17,8%) chỉ bằng 0,55 (0,32-0,93) lần so với nhóm có (28,3%) có ý nghĩa thống kê ($p = 0,025$). Nghiên cứu của Tạ Thị Thúy có kết quả tương tự [5].

Học sinh có người say xỉn trong gia đình có vấn đề SKTT (36,1%) cao hơn 2,24 (1,07-4,67) nhóm không có (20,1%) với $p = 0,029$ có ý nghĩa. Các yếu tố gia đình khác thì vấn đề SKTT khác nhau nhưng không có ý nghĩa ($p > 0,005$). Các nghiên cứu tham khảo như Đinh Thị Hồng Vân, Tạ Thị Thúy, Doan Nguyen Ai Xuan không phát hiện yếu tố gia

đình liên quan đến rượu bia như nghiên cứu này, thay vào đó là nghiên cứu về cấu trúc gia đình như tình trạng sống cùng nhau của bố mẹ hay li hôn hoặc qua đời, kết quả phân tích cho thấy không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$), có thể do cỡ mẫu của nhóm li dị/li thân hoặc mồ côi không đủ để thuật toán có ý nghĩa trong tính toán sự khác biệt [5],[7],[10].

Nếu đi học là một niềm vui thì tỷ lệ có vấn đề về SKTT chỉ bằng 0,49 lần nhóm không thích (19,2% so với 32,4%), nhóm đi học thêm (24,7%) sẽ gặp vấn đề SKTT cao hơn 2,06 lần nhóm không đi học thêm (13,8%), nếu có áp lực trong học tập sẽ dễ có vấn đề SKTT hơn 2,26 lần nhóm không có áp lực học tập (25,3% so với 13%), nhóm bị bạn bè bắt nạt sẽ gặp vấn đề SKTT nhiều hơn 2,14 lần nhóm không bị (35,3% so với 20,3%) và nhóm thường xuyên bị bố mẹ phạt vì điểm kém sẽ dễ mắc các vấn đề SKTT hơn 1,78 lần nhóm không bị (29,5% so với 19,1%), tất cả các khác biệt trên đều có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân cho thấy có 19,3% học sinh có vấn đề về cảm xúc, trong đó ghi nhận các yếu tố điểm dành cho sự lo âu mới, nhiều lo lắng là cao hơn hẳn các yếu tố khác, vấn đề SKTT về bạn bè chiếm tỷ lệ 8,2%, trong đó bị dọa nạt có số điểm tác động rất thấp (0,35 điểm) [7].

Học sinh thường xuyên sử dụng điện thoại/máy tính (23,9%) có vấn đề SKTT cao hơn 2,46 lần nhóm không thường xuyên; nhóm tần suất sử dụng mạng xã hội ≤ 3 lần/ngày và sử dụng mạng xã hội ≤ 3 giờ mỗi ngày có vấn đề SKTT chỉ bằng lần lượt là 0,54 và 0,56 lần nhóm còn lại với ý nghĩa thống kê ($p = 0,039; 0,041$). Học sinh có cảm giác bình thường khi không sử dụng mạng xã hội (19,2%) có vấn đề SKTT chỉ bằng 0,56 lần nhóm còn lại (29,8%), khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Đây cũng là nhận định của tổ chức UNICEF đối với SKTT của học sinh [12].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ học sinh có vấn đề SKTT là 21,9%, cao hơn tỷ lệ chung của toàn quốc và có sự khác biệt giữa các giá trị như giới tính nam và nữ, tình trạng sức khỏe bản thân, có hay không có người tâm sự, có hay không có áp lực học tập, bị hay không bị bạn bè bắt nạt, có thích đi học hay không, tình trạng sử dụng mạng xã hội nhiều hay ít hơn 3 giờ/ngày.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNICEF. Bảng tóm tắt nghiên cứu toàn diện về các yếu tố liên quan đến trường học ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần và sự phát triển toàn diện của trẻ em nam và nữ vị thành niên tại Việt Nam. 2021.
2. Tổ chức Y tế Thế giới. Sức khỏe tâm thần ở Việt Nam. 2024. URL: <https://s.net.vn/rOIV>.
3. World Health Organization. Mental Health. 2022. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/mental-health-strengthening-our-response>.
4. Campbell K.L.O, Bann D, Patalay P. The gender gap in adolescent mental health: A cross-national investigation of 566,829 adolescents across 73 countries. *SSM Popul Health*. 2021, Jan 26;13:100742, DOI: 10.1016/j.ssmph.2021.100742.
5. Tạ Thị Thúy, Nguyễn Thị Ngọc Bé. Đánh giá sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*. 2021, số 4(64)A, 167-178.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, UNICEF. Tài liệu truyền thông về sức khỏe tâm thần của học sinh phổ thông. Quyết định số 3854/QĐ-BGDĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2023. Hà Nội.

7. Đinh Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Mai Thị Thanh Thủy. Sức khỏe tâm thần của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế*. 2021, số 2 (58), 178-185.
 8. Nguyễn Thị Thùy Linh, Tăng Đức Công Minh, Nguyễn Thị Thắm. Thực trạng sức khỏe tâm thần của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng năm 2021. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2022, tập 32, số 1-2022, DOI: <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/553>.
 9. Lê Minh Hoàng, Vi Thị Hương Thảo, Nguyễn Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thu Thủy, Dương Nhật Ánh và cộng sự. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của học sinh Trường trung học phổ thông Cờ Đỏ, huyện Nghĩa Dân, tỉnh Nghệ An năm 2022. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2022, 32 (1), 127-135. DOI: <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/647>
 10. Doan Nguyen Ai Xuan, Vo Minh Thanh, Vo Thanh Tien et al. Mental health literacy of high school students in Ho Chi Minh City. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*. 2023, 20(9), 1650-1661. DOI: [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.9.3949\(2003\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.20.9.3949(2003)).
 11. Lê Minh Hoàng, Vi Thị Hương Thảo, Nguyễn Hồng Nhung, Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến sức khỏe tâm thần của học sinh trường trung học phổ thông Cờ Đỏ, huyện Nghĩa Dân tỉnh Nghệ An năm 2022. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2022, tập 32(3), 127-135, DOI: <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/647>.
 12. UNICEF Việt Nam. Mạng xã hội có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên. 2024. URL: <https://www.unicef.org/vietnam/vi/mang-xa-hoi-co-anh-huong-xau-den-suc-khoe-tam-than-cua-thanh-thieu-nien>.
-